



Phân cấp, phân quyền và phân định thẩm quyền mạnh mẽ trong lĩnh vực biển và hải đảo

PHẠM THỊ GẤM

Cục Biển và Hải đảo Việt Nam

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước tại Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/2/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/2/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy Nhà nước của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành về phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, ngày 12/3/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 131/2025/NĐ-CP quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Nghị định số 136/NĐ-CP quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. Các Nghị định này đã điều chỉnh các quy định hiện hành để đảm bảo thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, đồng thời phân cấp mạnh mẽ thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường cho chính quyền địa phương, cải thiện thủ tục hành chính.

(1) Về việc phân định thẩm quyền khi có chính quyền địa phương 2 cấp, thẩm quyền giao khu vực biển của chính quyền địa phương cấp huyện đã được phân định thẩm quyền toàn bộ cho chính quyền địa phương cấp xã. Theo Điều 35, Nghị định số 131/2025/NĐ-CP, Chủ tịch UBND cấp xã có thẩm quyền giao, sửa đổi, bổ sung, công nhận, gia hạn quyết định giao khu vực biển, cho phép trả lại khu vực biển nhất định cho cá nhân Việt Nam có hồ sơ đăng ký khi cá nhân đó phải chuyển đổi từ nghề khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thường trú trên địa bàn mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản trong phạm vi giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm đến 3 hải lý thuộc phạm vi quản lý.

(2) Nhiều nhiệm vụ của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đã phân cấp, phân quyền cho Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ đã

phân quyền cho Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt các chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; phê duyệt, điều chỉnh chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ có phạm vi liên tỉnh; phê duyệt bản đồ phân vùng rủi ro ô nhiễm môi trường biển và hải đảo quy định; phê duyệt hệ thống quan trắc, giám sát tổng hợp tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. Điều 51, 52, 54 Nghị định số 136/NĐ-CP quy định, thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ trong lĩnh vực quản lý tổng hợp tài nguyên, BVMT biển và hải đảo: (i) Phân quyền cho UBND cấp tỉnh thực hiện chấp thuận hoạt động khai thác khoáng sản trong khu vực cấm hoạt động của hành lang bảo vệ bờ biển; chấp thuận các trường hợp khác được phép thực hiện tại quần đảo, đảo phải bảo vệ, bảo tồn và bãi cạn lúc chìm lúc nổi; (ii) Phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh thực hiện chấp thuận việc khai hoang, lấn biển, thăm dò khoáng sản, dầu khí trong khu vực hạn chế các hoạt động của hành lang bảo vệ bờ biển.

(3) Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định trong Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo phân cấp, phân quyền mạnh cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Cụ thể, thẩm quyền cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, trả lại, cấp lại giấy phép nhận chìm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh từ khu vực biển nằm ngoài vùng biển 6 hải lý (tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền và đảo lớn nhất của các đặc khu) đến hết ranh giới quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh và thậm chí cả một số trường hợp ngoài ranh giới hành chính trên biển của cấp tỉnh, gồm các dự án được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư giao cho cấp tỉnh quản lý và dự án do UBND cấp tỉnh đã phê duyệt chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư. Tuy nhiên, ở thời điểm hiện tại do ranh giới hành chính trên biển chưa được công bố nên thẩm quyền này của Chủ tịch UBND cấp tỉnh vẫn nằm trong phạm vi vùng biển 6 hải lý tính (khoản 1, Điều 53, Nghị định số 136/NĐ-CP).

Bên cạnh đó, thẩm quyền cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ, thu hồi quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cho tổ chức, cá nhân nước ngoài



Làng chài Nhơn Hải thuộc bờ biển Quy Nhơn (nay là phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai)

tiến hành trong vùng biển Việt Nam thuộc địa phương quản lý của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường cũng được phân quyền cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Đây là nội dung thẩm quyền được phân cấp mạnh, do theo quy định hiện hành thì toàn bộ thẩm quyền cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ, thu hồi quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành trong vùng biển Việt Nam thuộc Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường (khoản 2, Điều 53, Nghị định số 136/NĐ-CP).

Đồng thời, thẩm quyền giao, công nhận, cho phép trả lại khu vực biển; gia hạn, sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển đã được phân cấp mạnh tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, nhưng tiếp tục được phân cấp. Theo đó, Điều 55, Nghị định số 136/NĐ-CP quy định, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh thực hiện giao, công nhận, cho phép trả lại khu vực biển; gia hạn, sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển từ khu vực biển nằm ngoài vùng biển 6 hải lý đến ranh giới quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh và thậm chí cả một số trường hợp ngoài ranh giới hành chính trên biển của cấp tỉnh, gồm các dự án được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư giao cho cấp tỉnh quản lý và dự án do UBND cấp tỉnh đã phê duyệt chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư. Riêng đối với trường hợp giao khu vực biển để thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, đo đạc, quan trắc, điều tra, thăm dò, khảo sát trên biển thì chỉ phân cấp ranh giới quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh. Tuy nhiên, ở thời

điểm hiện tại do ranh giới hành chính trên biển chưa được công bố nên thẩm quyền này của Chủ tịch UBND cấp tỉnh vẫn nằm trong phạm vi vùng biển 6 hải lý. Bên cạnh đó, toàn bộ thẩm quyền thu hồi khu vực biển của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã phân cấp cho UBND cấp tỉnh.

(4) Việc lấy ý kiến các cơ quan cấp trên đã gỡ bỏ khi thẩm quyền đã được phân cấp, phân quyền cho địa phương. Quy định này để tăng cường trách nhiệm của địa phương được giao thẩm quyền khi thực hiện nhiệm vụ của mình. Cụ thể, đối với các nhiệm vụ đã phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương cấp tỉnh có quy định yêu cầu phải lấy ý kiến Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ Nông nghiệp và Môi trường (bao gồm các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường) trước khi quyết định thì kể từ ngày Nghị định số 136/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 1/7/2025), chính quyền địa phương cấp tỉnh không phải thực hiện việc lấy ý kiến mà tự quyết định và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình (khoản 5, Điều 62, Nghị định số 136/NĐ-CP).

Như vậy, để đảm bảo việc thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp được thực hiện ngay sau khi tổ chức lại bộ máy, các quy định liên quan đến thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực biển và hải đảo đã được quy định đầy đủ. Đồng thời, việc phân cấp, phân quyền, đặc biệt là phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương trong lĩnh vực biển và hải đảo đã được phân cấp triệt để, tạo điều kiện để chính quyền địa phương chủ động trong việc triển khai thực hiện thuộc phạm vi quản lý■



THẨM QUYỀN CỦA UBND CẤP XÃ VÀ CHỦ TỊCH UBND CẤP XÃ TRONG LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO

UBND CẤP XÃ

1. Tham gia ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu, hóa chất độc trên biển; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố gây ô nhiễm môi trường biển, sạt, lở bờ biển theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 74 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

2. Quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

3. Xác định vị trí, ranh giới, diện tích khu vực biển đối với trường hợp thuộc thẩm quyền giao theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 5 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/2/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên biển, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ.

4. Quản lý các hoạt động sử dụng các khu vực biển để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/2/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên biển, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ.

CHỦ TỊCH UBND CẤP XÃ

1. Ủy viên Hội đồng thẩm định chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 16 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

2. Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/2/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên biển, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ.

3. Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/2/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên biển, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ.

4. Gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/2/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên biển, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ.

5. Cho phép trả lại khu vực biển (toàn bộ hoặc một phần) cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/2/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên biển, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ.

6. Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển quy định cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/2/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên biển, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ.

7. Thu hồi khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/2/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên biển, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ. ■